TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 215/2022/DS-ST
Ngày: 20/7/2022
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Quốc Cường;

Bà Nguyễn Thị Mỹ Lệ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Mỹ Trà – Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Oanh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 133/2021/TLST-DS ngày 30 tháng 3 năm 2021 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2412/2022/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 3155/2022/QĐST-DS ngày 20 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Phạm Hồng P, sinh năm 1984

Địa chỉ: Số 96 đường H, tổ C, khu phố H, phường TK, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Cao Văn B, sinh năm 1992, là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 02/3/2021). (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Kim N, sinh năm 1976

Địa chỉ: Số 19/5 (Tầng B) đường KC, phường TB, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện đề ngày 02 tháng 3 năm 2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Phạm Hồng P ủy quyền cho ông Cao Văn B trình bày:

Ngày 15/7/2019, nguyên đơn có cho bị đơn vay số tiền 3.200.000.0000 đồng. Thời hạn vay từ ngày 15/7/2019 đến ngày 15/9/2019, lãi suất 1%/tháng.

Thời hạn thanh toán cụ thể: Ngày 26/7/2019 thanh toán 1.000.000.000 đồng, ngày 15/8/2019 thanh toán 1.000.000.000 đồng, ngày 15/9/2019 thanh toán 1.200.000.000 đồng. Hợp đồng được công chứng tại Văn phòng Công chứng Sài Gòn ngày 15/7/2019.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn đã không thanh toán cho nguyên đơn bất kỳ khoản tiền gốc, lãi nào, mặc dù nguyên đơn đã nhiều lần nhắc nhỡ. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 3.200.000.000 đồng và số tiền lãi trong hạn từ ngày 15/7/2019 đến ngày 15/9/2019 là 64.000.000 đồng; tiền lãi quá hạn tạm tính từ ngày 16/9/2019 đến ngày 16/7/2022 là 1.632.000.000 đồng. Tổng số tiền nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán là 4.896.000.000 đồng. Trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Vì lý do công việc, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt không tham gia tố tụng và cũng không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn.

** Kiểm sát viên phát biểu ý kiến tại phiên tòa:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong thời gian chuẩn bị xét xử: Tòa án đã xác định thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định quan hệ tranh chấp, tư cách những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, xác minh, tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng cho đương sự và thời hạn chuẩn bị xét xử theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng tại phiên tòa: Phiên tòa được tiến hành với sự có mặt đầy đủ các thành viên của Hội đồng xét xử theo đúng trình tự, thủ tục theo quy định. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản phản hồi ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được xác định từ bỏ quyền và lợi ích hợp pháp khi tham gia tố tụng.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và yêu cầu của nguyên đơn có căn cứ xác định ngày 15/7/2019, nguyên đơn có cho bị đơn vay số tiền 3.200.000.000 đồng. Hợp đồng được công chứng tại Văn phòng công chứng Sài Gòn ngày 15/7/2019. Quá trình thực hiện hợp đồng bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ.

Do đó, có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả số tiền gốc là 3.200.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn từ 15/7/2019 đến 15/9/2019 là 3.200.000.000 đồng x 1% x 2 tháng = 64.000.000 đồng và tiền lãi quá hạn từ 16/9/2019 đến 16/7/2022 (34 tháng) là 3.200.000.000 đồng x 1% x

150% x 34 tháng = 1.632.000.000 đồng. Tổng số tiền bị đơn phải trả cho nguyên đơn là 4.896.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bị đơn là bà Nguyễn Thị Kim N, cư trú tại số 19/5 (Tầng B) đường KC, phường TB, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do, không xuất trình tài liệu, chứng cứ chứng minh cho quan điểm của mình, cũng như không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Bị đơn phải chịu hậu quả của việc không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ được quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử giải quyết vụ án dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Bà Trần Thị Ngọc H là vợ của ông Phạm Hồng P theo Giấy chứng nhận kết hôn số 23/2012, quyển số 01/2011 do Ủy ban nhân dân phường TK, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 15 tháng 3 năm 2012. Bà H có văn bản trình bày số tiền vay giữa nguyên đơn và bị đơn là số tiền riêng của nguyên đơn, đề nghị Tòa án không đưa bà tham gia tố tụng trong vụ án trên. Xét bà H là người không khởi kiện, không bị kiện và việc giải quyết vụ án dân sự trên không liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của bà, bản thân bà hoặc đương sự khác không đề nghị bà H tham gia tố tụng. Do đó, căn cứ khoản 4 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử không đưa bà Trần Thị Ngọc H vào tham gia tố tụng vụ án trên với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả số tiền nợ gốc 3.200.000.000 đồng:

Căn cứ Hợp đồng vay tiền số 012698, quyển số 07 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 15/7/2019 được chứng nhận tại Văn phòng công chứng C có cơ sở xác định giữa nguyên đơn và bị đơn có xác lập hợp đồng vay tiền, theo đó bị đơn vay của nguyên đơn số tiền 3.200.000.000 đồng, thời hạn vay từ ngày 15/7/2019

đến ngày 15/9/2019, lãi suất 1%/tháng. Thời hạn thanh toán cụ thể: Ngày 26/7/2019 thanh toán 1.000.000.000 đồng, ngày 15/8/2019 thanh toán 1.000.000.000 đồng, ngày 15/9/2019 thanh toán 1.200.000.000 đồng. Bị đơn đã nhận đủ tiền và ký tên. Đến nay thời hạn vay số tiền trên đã hết nhưng bị đơn không trả nợ vay là vi phạm nghĩa vụ. Do đó, việc nguyên đơn khởi kiện đòi bị đơn thanh toán số tiền nợ 3.200.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận phù hợp với quy định tại Điều 463, khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2.2] Xét yêu cầu trả lãi:

Xét tại Điều 1 của Hợp đồng vay tiền công chứng ngày 15/7/2019, hai bên có thỏa thuận mức lãi suất là 1%/tháng là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm nên được công nhận. Nguyên đơn yêu cầu tính tiền lãi trong hạn và lãi quá hạn chậm trả của số tiền 3.200.000.000 đồng, cụ thể:

- Lãi trong hạn từ ngày 15/7/2019 đến ngày 15/9/2019 là: 3.200.000.000 đồng x 1% x 2 tháng = 64.000.000 đồng;

- Lãi quá hạn tạm tính từ ngày 16/9/2019 đến ngày 16/7/2022 (34 tháng) là: 3.200.000.000 đồng x 1% x 150% x 34 tháng = 1.632.000.000 đồng.

Nguyên đơn yêu cầu số tiền lãi này phù hợp với quy định của pháp luật nên có cơ sở chấp nhận.

[2.3] Xét trong quá trình chuẩn bị xét xử, Tòa án đã thực hiện tống đạt các thông báo, văn bản tố tụng của Tòa án, triệu tập bị đơn tham gia tố tụng để giải quyết vụ án theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng bị đơn vắng mặt được xem là đã từ bỏ quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng của mình.

[3] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền phải trả cho nguyên đơn 4.896.000.000 đồng.

[4] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 và khoản 3 Điều 228; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 357, Điều 463, khoản 1 Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Hồng P. Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Kim N có nghĩa vụ trả cho ông Phạm Hồng P số tiền nợ gốc là 3.200.000.000 đồng (theo Hợp đồng vay tiền số 012698, quyển số 07 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 15/7/2019); tiền lãi trong hạn từ ngày 15/7/2019 đến ngày 15/9/2019 là 64.000.000 đồng và tiền lãi quá hạn tạm tính từ ngày 16/9/2019 đến ngày 16/7/2022 là 1.632.000.000 đồng. Tổng cộng bị đơn phải trả cho nguyên đơn 4.896.000.000 đồng một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Ông Phạm Hồng P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, trả lại cho ông Phạm Hồng P số tiền tạm ứng án phí đã nộp 56.052.000 đồng theo biên lai số AA/2019/003059X ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà Nguyễn Thị Kim N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 112.896.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TPHCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TPHCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 1;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thu Hiền